TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-PT
Ngày: 24-4-2020
V/v "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất khi hết thời hạn cho thuê quyền sử dụng đất; Bồi thường tài sản trên đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Được**

Bà **Trần Thị Dịu**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Mai Như Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Ông Nguyễn Hồng Hiển – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất khi hết thời hạn cho thuê quyền sử dụng đất; Bồi thường tài sản trên đất".* Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 09A/2020/QĐ-PT ngày 25/3/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chùa L

Địa chỉ: Khu phố 6, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bảo H, sinh năm 1984, (Pháp danh: Thích Thông T) – Trụ trì Chùa L. Ông H có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Bà H vắng mặt tại phiên tòa có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Các bị đơn:*

- Ông Bùi Thạch C, sinh năm 1971; có mặt tại phiên tòa.

- Bà Trần Thị Liên H, sinh năm 1976; có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Khu phố 6, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người kháng cáo:

- Chùa L – Đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Bảo H.

- Ông Bùi Thạch C và bà Trần Thị Liên H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ông Nguyễn Bảo H – người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Chùa L trình bày:

Chùa L được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S538108 ngày 18/02/2004 đối với các thửa đất số 385, diện tích 7.877m^2; thửa đất số 399, diện tích 873m^2; thửa đất số 409, diện tích 781m^2; thửa đất số 419, diện tích 947m^2; thửa đất số 420, diện tích 1.838m^2, tất cả thuộc tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Đến ngày 26/8/2014, Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới số BQ699968 cho Chùa L đối với các thửa đất diện tích như trên.

Ngày 10/8/2009, Ban hộ tự Chùa L do ông Lê Thái H đại diện ký hợp đồng là ông Lê Thái H có cho vợ chồng ông Bùi Thạch C và bà Trần Thị Liên H thuê thửa đất số 420, diện tích 1838m^2 và thửa đất số 409, diện tích 781m^2 với số tiền 5.000.000 đồng, có làm hợp đồng thuê đất. Thời hạn thuê đất là 05 năm kể từ ngày 10/8/2009 đến ngày 10/8/2014. Mục đích thuê trồng nho. Đến năm 2014, khi hết thời hạn cho thuê đất, Chùa L có yêu cầu vợ chồng ông C, bà H trả lại diện tích đất thuê nhưng đến nay vợ chồng ông C, bà H không trả. Từ năm 2014 cho đến nay Chùa L không thu tiền thuê đất. Nay Chùa L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà H phải trả lại thửa đất số 409, diện tích 781m^2 và thửa đất số 420, diện tích 1838m^2 cho Chùa L. Đối với các công trình kiến trúc, cây trồng có trên đất buộc ông C, bà H phải tự tháo dỡ. Chùa L không có trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ bất kỳ tài sản nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Thạch C và bà Trần Thị Liên H có yêu cầu như sau:

Từ năm 1980 đến năm 2009 vợ chồng ông bà có thuê tổng diện tích đất là 2619m^2 gồm thửa đất số 420, diện tích 1838m^2 và thửa đất số 409, diện tích 781m^2 của Chùa L. Vào ngày 10/8/2009, Ban hộ tự Chùa L là ông Lê Thái Hòa có cho vợ chồng bà tiếp tục thuê lại toàn bộ thửa đất trên. Thời hạn thuê đất là 05 năm kể từ ngày 10/8/2009 đến ngày 10/8/2014 với số tiền 5.000.000 đồng. Trong quá trình thuê đất gia đình đã cải tạo đất mới có thể canh tác như ngày hôm nay, ngoài ra vợ chồng ông bà xây dựng ngôi nhà cấp 4 từ năm 1995, đường mương để tưới tiêu, đào giếng và trồng nho, táo để có nguồn thu. Nay vợ chồng ông bà có ý kiến như sau: Gia đình ông bà đồng ý trả lại toàn bộ diện tích

đất thuê cho chùa nhưng Chùa L phải bồi thường toàn bộ công cải tạo đất là 50.000.000 đồng, cây trồng và vật kiến trúc có trên đất theo biên bản định giá ngày 10/6/2019.

Bị đơn tranh luận: Đồng ý trả lại đất theo hợp đồng thuê là 2619m^2, yêu cầu nguyên đơn bồi thường công cải tạo đất là 50.000.000 đồng và bồi thường toàn bộ giá trị tài sản trên đất theo Biên bản định giá ngày 10/6/2019.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào các khoản 6, 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 703, 704, 706, 713 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Buộc bị đơn là vợ chồng ông Bùi Thạch C và bà Trần Thị Liên H phải trả lại cho Chùa L: thửa đất số 420, diện tích 1838m^2 và thửa đất số 409, diện tích 781m^2 thuộc tờ bản đồ địa chính số 10, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 05/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận – chi nhánh N;

- Buộc nguyên đơn Chùa L phải bồi thường tiền công cải tạo đất cho vợ chồng ông Bùi Thạch C và bà Trần Thị Liên H là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Buộc nguyên đơn Chùa L phải bồi thường cho vợ chồng ông Bùi Thạch C và bà Trần Thị Liên H tài sản trên đất gồm: 01 giếng đào có đường kính 01 mét, 04 Pi; 03 đường mương, xây gạch thẻ, tổng kích thước (0,3 x 0,3 x 50m); 01 cây xoài; 01 nhà tạm cấp 4c diện tích 27,5m^2. Tổng số tiền phải bồi thường là 20.914.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng) (đã làm tròn số).

- Nguyên đơn là Chùa L được quyền sở hữu, sử dụng:

01 nhà cấp 4c tường xây gạch, kèo gỗ, nền láng xi măng, mái lợp tole sắt, diện tích 27,5m^2; 01 giếng đào 04 Pi đường kính 01 mét; 01 cây xoài; 03 đường mương, xây gạch thẻ tổng kích thước (0,3 x 0,3 x 50m).

Buộc bị đơn vợ chồng ông Bùi Thạch C, bà Trần Thị Liên H phải tháo dỡ, di dời toàn bộ 49 gốc táo và giàn táo; 399 gốc nho và giàn nho; 01 cây đu đủ ra khỏi thửa đất số 420, diện tích 1838m^2 và thửa đất số 409, diện tích 781m^2 thuộc tờ bản đồ địa chính số 10, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 05/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận – chi nhánh N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí đo đạc, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/12/2019, Chùa L kháng cáo với nội dung:

Kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận; không đồng ý bồi thường một phần công cải tạo đất là 8.000.000 đồng và một phần ba giá trị của căn nhà cấp 4 mà ông C, bà H đã xây trên đất thuê của Chùa là 7.883.000 đồng.

Ngày 03/12/2019, ông Bùi Thạch C và bà Trần Thị Liên H kháng cáo nội dung:

Buộc Chùa L khi nhận lại đất phải bồi thường các khoản: Công cải tạo đất là 50.000.000đ; giá trị căn nhà 23.600.000đ; bồi thường giá trị 49 gốc táo, 399 gốc nho, 01 cây xoài, 01 cây đu đủ, tổng trị giá cây trồng là 191.287.900đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của nguyên đơn – Chùa L; bác kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Chùa L, bị đơn ông Bùi Thạch C, bà Trần Thị Liên H kháng cáo đúng hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí đầy đủ theo quy định tại các Điều 272, 273 và 276 BLTTDS nên đơn kháng cáo hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vẫn giữ nguyên kháng cáo; Nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện; Các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn – Chùa L không đồng ý bồi thường một phần công cải tạo đất là 8.000.000 đồng và một phần ba giá trị của căn nhà cấp 4 mà ông C, bà H đã xây trên đất thuê của Chùa là 7.883.000 đồng; Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu được trả công cải tạo đất 50.000.000đ; nhận toàn bộ giá trị căn nhà và toàn bộ giá trị cây trồng theo kết qủa định giá là 191.287.900đ.

[2.1] Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa Chùa L và ông Bùi Thạch C, bà Trần Thị Liên H không có điều khoản thỏa thuận Chùa L phải bồi thường tiền công cải tạo đất khi kết thúc thời hạn hợp đồng thuê quyền sử dụng đất.

[2.2] Điều 707 khoản 5 của Bộ luật dân sự 2005 (BLDS 2005) quy định bên thuê quyền sử dụng đất phải trả lại đất đúng tình trạng như khi nhận đất sau khi hết thời hạn thuê, trừ trường hợp có thỏa thuận khác do đó kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

[2.3] Ông Bùi Thạch C, bà Trần Thị Liên H thay đổi cây trồng; quá trình canh tác đất xây dựng nhà cấp 4C diện tích 27,5m^2 trên đất nông nghiệp. Bản án sơ thẩm buộc ông C, bà H trả lại đất cho cho Chùa L là đúng nhưng buộc Chùa L trả một phần tiền công cải tạo đất 8.000.000đ và một phần ba giá trị căn nhà 7.883.000đ là không có cơ sở pháp lý, vì ông C, bà H có cải tạo, phát quang gai bàn chải, cỏ dại để canh tác nhưng không chứng minh được chi phí cụ thể; hơn nữa đây là nghĩa vụ của vợ chồng ông C, bà H để thu được năng suất từ cây trồng trên đất. Nhà cấp 4C được xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp là vi phạm nghĩa vụ của bên thuê quyền sử dụng đất. Ông C, bà H thay đổi cây trồng khi thời hạn thuê quyền sử dụng đất đã hết nên không thể buộc Chùa L – là tổ chức Tôn giáo phải thực hiện nghĩa vụ trả công cải tạo đất 50.000.000đ; nhận toàn bộ giá trị căn nhà và toàn bộ giá trị cây trồng theo kết qủa định giá là 191.287.900đ như phía ông C, bà H tranh luận. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận tranh luận của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; Không chấp nhận tranh luận của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, Chùa L chấp nhận cho ông Bùi Thạch C, bà Trần Thị Liên H sử dụng đất từ 06 tháng đến 01 năm và sau đó sẽ tự tháo dỡ toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc trên đất để trả lại nguyên trạng diện tích thửa đất. Ông C, bà H đề nghị cho tiếp tục canh tác đất từ 03 đến 04 năm sau đó sẽ tự tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc, cây trồng để trả đất cho Chùa L. Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy: Sau khi kết thúc thời hạn thuê quyền sử dụng đất (20/8/2014), ông C và bà H vẫn đang sử dụng đất cho đến thời điểm hiện nay nhưng không phải trả tiền thuê đất. Chùa L đồng ý cho ông C, bà H tiếp tục sử dụng đất trong thời hạn 01 năm nhằm tạo điều kiện để ông C, bà H hưởng lợi từ cây trồng trên đất là hợp lý nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] Các tài sản và vật kiến trúc trên các thửa đất của Chùa L cho phép ông Bùi Thạch C, bà Trần Thị Liên H tiếp tục canh tác trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 24/4/2020 đến hết ngày 24/4/2021 phải tự tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc, cây trồng để trả lại các thửa đất số 409 và 420 tờ bản đồ số 10 thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận gồm:

- Trên thửa đất số 409: Giàn táo gồm 49 gốc táo ghép 03 năm tuổi đang cho thu hoạch, mật độ cây táo 781m^2.

- Trên thửa đất số 420 có:

+ 01 nhà tạm cấp 4C, tường xây gạch table, kèo gỗ, nền láng xi măng, mái lợp tole sắt, diện tích 27,5m^2, tỷ lệ còn lại 40%.

+ 01 giếng đào 04 pi đường kính 01m, tỷ lệ còn lại 40%.

+ Giàn nho gồm 399 gốc nho đỏ 03 năm tuổi đang cho thu hoạch, mật độ cây nho 1.838m^2.

+ 01 cây Xoài thường, đường kính >40cm đang cho thu hoạch.

+ 01 cây đu đủ đang cho thu hoạch.

+ 03 đường mương xây gạch thẻ tổng kích thước 0,3 x 0,3 x 50m tỷ lệ còn lại 40%.

- Ông Bùi Thạch C, bà Trần Thị Liên H không được làm thay đổi hiện trạng đất, cây trồng cũng như vật kiến trúc trên các thửa đất.

[5] Căn cứ những lập luận nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận tranh luận và kháng cáo của nguyên đơn; không chấp nhận tranh luận và kháng cáo của bị đơn; sửa bản án sơ thẩm.

[6] Án phí sơ thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Bùi Thạch C và Trần Thị Liên H phải chịu 300.000đ án phí đối với yêu cầu trả lại đất của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Các bên kháng cáo đều không phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Ông Bùi Thạch C và Trần Thị Liên H phải liên đới trả cho Chùa L 850.000đ.

Vì các lẽ trên, căn cứ Điều 308 khoản 2 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện N.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38; các Điều 147, 148, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 703, 704, 706, 713 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chùa L đòi lại quyền sử dụng đất khi hết thời hạn hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đối với các bị đơn ông Bùi Thạch C và bà Trần Thị Liên H.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Bùi Thạch C về việc bồi thường tài sản là cây trồng và vật kiến trúc trên đất.

4. Ông Bùi Thạch C, bà Trần Thị Liên H là những người đang canh tác cây trồng trên thửa đất số 420, diện tích 1838m^2 và thửa đất số 409, diện tích 781m^2 thuộc tờ bản đồ địa chính số 10, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận được tiếp tục canh tác cây trồng trên đất và sử dụng vật kiến trúc trên đất trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 24/4/2020 đến hết ngày 24/4/2021 phải cùng liên đới nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc, cây trồng trên các thửa đất để trả lại quyền sử dụng đất cho Chùa L; Các tài sản và vật kiến trúc hiện nay đang tồn tại trên các thửa đất và được tháo dỡ khi kết thúc thời thời hạn lưu canh trên đất (12) tháng gồm:

- Trên thửa đất số 409: Giàn táo gồm 49 gốc táo ghép 03 năm tuổi đang cho thu hoạch, mật độ cây táo 781m^2.

- Trên thửa đất số 420 có:

+ 01 nhà tạm cấp 4C, tường xây gạch table, kèo gỗ, nền láng xi măng, mái lợp tole sắt, diện tích 27,5m^2, tỷ lệ còn lại 40%.

+ 01 giếng đào 04 pi đường kính 01m, tỷ lệ còn lại 40%.

+ Giàn nho gồm 399 gốc nho đỏ 03 năm tuổi đang cho thu hoạch, mật độ cây nho 1.838m^2.

+ 01 cây Xoài thường, đường kính >40cm đang cho thu hoạch.

+ 01 cây đu đủ đang cho thu hoạch.

+ 03 đường mương xây gạch thẻ tổng kích thước 0,3 x 0,3 x 50m tỷ lệ còn lại 40%.

- Ông Bùi Thạch C, bà Trần Thị Liên H không được làm thay đổi hiện trạng đất, cây trồng cũng như vật kiến trúc trên các thửa đất số 420, diện tích 1838m^2 và thửa đất số 409, diện tích 781m^2 thuộc tờ bản đồ địa chính số 10, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

5. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản

Buộc ông Bùi Thạch C và bà Trần Thị Liên H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Chùa L 850.000đ *(Tám trăm năm mươi nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6. Về án phí:

- Chùa L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015923 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- Bị đơn ông Bùi Thạch C và bà Trần Thị Liên H phải liên đới không phân chia phần chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 3.750.000đ

tạm ứng án phí phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019326 ngày 29/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N; Hoàn trả cho ông Bùi Thạch C 3.450.000đ tiền tạm ứng án phí thừa.

- Ông Bùi Thạch C và bà Trần Thị Liên H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được hoàn trả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021249 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Chùa L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được hoàn trả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021236 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 24/4/2020)./.

Nơi nhận:
- TAND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hàng Lâm Viên